

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THỊ XÃ AN NHƠN  
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 88/2021/HNGĐ-ST  
Ngày: 04- 02- 2021  
“V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ AN NHƠN**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Trần Thị Mỹ Lệ

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông Lê Minh Chiến

2. Bà Nguyễn Thị Thảo

**-Thư ký phiên Tòa:** Cô Nguyễn Mai Đoàn Thực - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã An Nhơn.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã An Nhơn tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Hồng Loan - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 02 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã An Nhơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 39/2020/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 10 năm 2020, về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 09/2020/QĐXXST.HNGĐ ngày 21 tháng 12 năm 2020, quyết định hoãn phiên tòa số 06/2021/QĐST-HNGĐ ngày 04 tháng 01 năm 2021 giữa các đương sự:

**\* Nguyên đơn:** Chị Đỗ Nữ Quỳnh N, sinh năm 1998 (có mặt)

HKTT: Thôn N, xã N, thị xã A, tỉnh Bình Định.

Địa chỉ: KV. L, phường N, thị xã A, tỉnh Bình Định.

**\* Bị đơn:** Anh Ngô Văn M, sinh năm 1995 (vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn N, xã N, thị xã A, tỉnh Bình Định.

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

*\* Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản lấy lời khai, các thủ tục tố tụng tiếp theo và tại phiên tòa nguyên đơn chị Đỗ Nữ Quỳnh N trình bày:* Chị và anh Ngô Văn M tự nguyện tổ chức lễ cưới và tiến hành đăng ký kết hôn tại UBND xã N vào năm 2017. Sau khi cưới, vợ chồng thuê nhà sống và làm việc tại Thành phố H, vợ chồng chung sống bình thường được khoảng 02 tháng thì chị phát hiện anh M ham

mê cờ bạc, số đề, đá gà gây nợ nần nên đến đầu năm 2018 thì chị về quê sinh con, anh M vẫn sống trong TP. H. Tháng 6/2019, anh M gây nợ nần thường xuyên bị xã hội đen đến đòi nợ nên bỏ về quê sống. Sau khi về quê, mẹ chồng thuê nhà ở gần quán C, xã N để mở quán hủ tiếu cho vợ chồng buôn bán nhưng anh M vẫn chứng nào tật nấy, bỏ quán cho một mình chị trông coi còn anh vẫn tiếp tục chơi cờ bạc, rượu chè. Khoảng tháng 4/2020, chị phát hiện anh M có mối quan hệ bất chính với người phụ nữ quê ở P nên chị quyết định dẫn con về sống tại nhà mẹ ruột ở phường N, vợ chồng sống ly thân từ đó cho đến nay. Nay chị xác định vợ chồng chung sống không hạnh phúc và không còn tình cảm với nhau nên yêu cầu xin ly hôn anh Ngô Văn M.

Về con chung: có 01 người con tên Ngô Hải Đ, sinh ngày 18.3.2018 hiện đang ở với chị, ly hôn chị yêu cầu được tiếp tục nuôi con, không yêu cầu anh M cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*\*Theo biên bản lấy lời khai bị đơn anh Ngô Văn M trình bày:* Anh và chị Đỗ Nữ Quỳnh N tự nguyện kết hôn vào năm 2017 và có đăng ký kết hôn tại UBND xã N. Sau khi cưới, vợ chồng sống tại Thành phố H, đến tháng 8/2018 vợ chồng về sống tại xã N. Đến tháng 4 năm 2020 vợ chồng mâu thuẫn từ chuyện anh chơi cờ bạc, nợ nần và có mối quan hệ bên ngoài nên chị N bỏ về sống tại nhà mẹ ruột ở phường N, sau đó thì vào V sống, vợ chồng sống ly thân từ đó cho đến nay. Anh xác định vợ chồng không còn tình cảm nên thống nhất ly hôn với chị N.

Về con chung: có 01 người con tên Ngô Hải Đ, sinh ngày 18.3.2018 hiện đang ở với chị N, ly hôn anh thống nhất giao con cho chị N nuôi dưỡng và không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý, chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa đúng theo quy định của pháp luật.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án: Căn cứ vào Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự, các Điều 26, 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30.12.2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án. Áp dụng các Điều 51, 55, 81, 82, 84 Luật hôn nhân và gia đình, đề nghị Hội đồng xét xử: Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Đỗ Nữ Quỳnh N và anh Ngô Văn M; Về con chung: Giao cháu Ngô Hải Đ, sinh ngày 18.3.2018 cho chị N tiếp tục nuôi dưỡng đến khi có thay đổi khác, chị N không yêu cầu anh M cấp dưỡng nuôi con nên miễn xét. Về tài sản chung, nợ chung:

không yêu cầu nên không xem xét. Án phí: buộc nguyên đơn chịu án phí theo quy định.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:*

[1] Về tố tụng:

Anh Ngô Văn M có đơn xin xét xử vắng mặt, căn cứ vào Khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh M.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Đỗ Nữ Quỳnh N và anh Ngô Văn M tự nguyện tổ chức lễ cưới và có tiến hành thủ tục đăng ký kết hôn, được UBND xã N cấp giấy chứng nhận kết hôn theo đúng quy định luật hôn nhân gia đình nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống, giữa chị N và anh M phát sinh mâu thuẫn từ việc anh M chơi bời và có mối quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác dẫn đến việc vợ chồng mâu thuẫn căng thẳng sống ly thân. Trong quá trình giải quyết vụ án, chị N và anh M xác định vợ chồng không còn tình cảm nên thống nhất ly hôn, bản thân anh M có đơn không yêu cầu hòa giải nên Tòa án không thể tiến hành phiên họp hòa giải để ghi nhận sự tự nguyện thuận tình ly hôn giữa chị N và anh M. Trên cơ sở xem xét yêu cầu của chị N, anh M thấy rằng việc thuận tình ly hôn của hai anh chị là tự nguyện và phù hợp với thực tế mâu thuẫn sống ly thân nên Hội đồng xét xử công nhận sự tự nguyện thuận tình ly hôn giữa chị Đỗ Nữ Quỳnh N và anh Ngô Văn M.

[2.2] Về con chung: Chị N, anh M xác định có 01 người con chung tên Ngô Hải Đ, sinh ngày 18.3.2018 hiện đang sống với chị N. Ly hôn chị N, anh M thống nhất giao người con Ngô Hải Đ cho chị N nuôi dưỡng. Xét sự thỏa thuận về người nuôi dưỡng con sau ly hôn giữa chị N và anh M là tự nguyện và phù hợp với quy định của pháp luật nên công nhận. Chị N không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét.

[2.3] Tài sản chung và nợ chung: Chị N, anh M không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[3] Án phí hôn nhân sơ thẩm: Theo quy định tại Khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ quốc hội khóa 14 ngày 30.12.2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chị Đỗ Nữ Quỳnh N phải nộp án phí.

[4] Ý kiến của Kiểm sát viên về việc giải quyết vụ án phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên công nhận.

*Vì những lẽ trên,*

## **QUYẾT ĐỊNH**

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39, Khoản 4 Điều 147, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Áp dụng các Điều 51, 55, 57, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình; Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ quốc hội khóa 14 ngày 30.12.2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

### ***Tuyên xử:***

1/ Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Đỗ Nữ Quỳnh N và anh Ngô Văn M.

2/ Về trách nhiệm nuôi dưỡng con chung sau ly hôn: Giao người con Ngô Hải Đ (sinh ngày 18.3.2018) cho chị N tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục đến tuổi trưởng thành.

Sau ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con, các đương sự có quyền yêu cầu cấp dưỡng nuôi con hoặc yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con

3/ Về tài sản chung, nợ chung: Chị N, anh M không yêu cầu giải quyết

4/ Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Chị Đỗ Nữ Quỳnh N phải nộp 300.000đ được trừ vào 300.000đ tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0001412 ngày 21.10.2020 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã An Nhơn.

5/ Quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này lên cấp xét xử phúc thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Riêng anh Ngô Văn M vắng mặt có quyền kháng cáo bản án này lên cấp xét xử phúc thẩm trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

**Nơi nhân:**

- TAND tỉnh Bình Định;
- VKSND TX. An Nhơn;
- Chi cục THA TX. An Nhơn;
- UBND xã N;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn;

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trần Thị Mỹ Lệ**